

NINH THỊ SINH (2020), **Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ - Trường hợp Hội Phật giáo (1934-1945)**, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 424 tr.

Chấn hưng Phật giáo là một sự kiện tôn giáo và xã hội lớn ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Trên cơ sở phân tích những diễn tiến xã hội học trong thực hành Phật giáo ở Bắc kỳ đầu thế kỷ XX, nội dung sách góp phần lý giải vị trí quan trọng của Phật giáo ở Việt Nam cũng như giúp bạn đọc hiểu rõ các phương diện khác nhau trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ giai đoạn này, đồng thời xóa bỏ các định kiến về các hội Phật giáo trong các công trình lịch sử Việt Nam hiện nay.

Sách gồm 7 chương: Chương 1 phác họa lịch sử và tiến trình của Phật giáo ở Việt Nam, khái quát tình hình Phật giáo thời Pháp thuộc, phân tích bối cảnh chung ở khu vực châu Á đối với việc chấn hưng đạo Phật và tìm hiểu một số đề xuất cải cách của cả tăng sĩ và cư sĩ. Chương 2 đề cập đến sự thành lập Hội Phật giáo từ năm 1932-1934 trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm của các dự án trước đó. Chương 3 đề cập đến quá trình thiết lập và xây dựng Hội Phật giáo Bắc kỳ (tháng 11/1934-1/1936). Chương 4 bàn về các hoạt động chấn hưng Phật giáo trên cả hai phương diện tinh thần và hình thức. Chương 5 đưa ra các đề nghị cải cách trong nội bộ tăng đồ như mở trường Phật học theo lối mới, cải cách trong tổ chức tăng già và các nghi thức Phật giáo... Chương 6 nghiên cứu cơ sở xã hội của Hội Phật giáo theo thành phần xã hội - nghề nghiệp của các hội viên, được kết nạp rộng rãi từ mọi tầng lớp khác nhau. Chương 7 xác định các đặc điểm của Phật giáo chấn hưng được thực hiện bởi Hội

Phật giáo trên cơ sở phân tích nội dung Tạp chí *Đuốc Tuệ*.

QT.

ĐỖ BANG (2020), **Hệ thống phòng thủ miền Trung dưới triều Nguyễn**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 254 tr.

Miền Trung có vị trí quan trọng hàng đầu trong lịch sử Việt Nam thống nhất dưới thời Nguyễn. Nhận thấy vị thế quan trọng đó nên triều Nguyễn đã sớm xây dựng một chiến lược quốc phòng để bảo vệ an ninh ở các tỉnh miền Trung, đặc biệt tăng cường phòng thủ cả hai mặt là biển và núi. Để đảm bảo nền an ninh - quốc phòng của đất nước, mà sống còn là bảo vệ Kinh đô Huế, triều Nguyễn đã xây dựng hệ thống phòng thủ cảng biển và biển đảo, hệ thống các doanh đồn và sơn phòng miền núi ở các tỉnh miền Trung.

Cuốn sách làm rõ đặc trưng của vùng đất miền Trung, vị thế phòng thủ, cách nhìn nhận của các vua triều Nguyễn trong việc xây dựng hệ thống phòng thủ ở các tỉnh miền Trung đối với Kinh đô Huế; từ đó góp phần đánh giá những giá trị và ý nghĩa lịch sử của hệ thống phòng thủ này, chỉ ra những tác dụng hai mặt về phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh - quốc phòng của hệ thống phòng thủ này dưới triều Nguyễn đối với đời sống hiện nay. Những hạn chế và thành công trong các giải pháp phòng thủ của triều Nguyễn tại các tỉnh miền Trung cũng được tác giả phân tích nhằm khắc phục, kế thừa và phát triển trong bối cảnh hiện tại.

Sách gồm 3 chương: Chương 1- *Vị trí chiến lược các tỉnh miền Trung dưới triều Nguyễn (1802-1885)*. Chương 2- *Hệ thống công trình phòng thủ vùng biển*. Chương 3- *Hệ thống công trình phòng thủ vùng núi*.

PHẠM NGUYỄN

LÊ VĂN HẢO (chủ biên, 2020), **Thái độ của thanh niên đối với người già và mối quan hệ của họ với ông bà**, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 292 tr.

Có thể thấy rằng, nếu xã hội Việt Nam “già trước khi giàu” (theo nghĩa có đủ nguồn lực để chăm sóc phù hợp cho hơn 10 triệu người cao tuổi) thì hệ thống phúc lợi “trẻ cậy cha, già cậy con” đang đứng trước thách thức rất lớn. Thế hệ trẻ Việt Nam trong một xã hội trải qua nhiều biến đổi trong hơn ba thập kỷ đổi mới vừa qua có sẵn sàng về mặt tâm lý đối với vấn đề trên? 5 chương sách góp phần giải đáp câu hỏi này.

Chương 1 trình bày một số vấn đề tổng quan về thái độ của thanh niên với người già và mối quan hệ giữa họ với ông bà của mình trong các nền văn hóa Đông - Tây; xác định và làm rõ những khái niệm cơ bản, phương pháp nghiên cứu, cách thức đo lường thái độ, mối quan hệ giữa hai thế hệ.

Chương 2 đi sâu phân tích thái độ của thanh niên với người già, thể hiện ở nhận thức của thanh niên với người già và thái độ (trân trọng hay định kiến) đối với thế hệ lớn tuổi.

Chương 3 bàn về mối quan hệ giữa thanh niên với ông bà họ, thể hiện qua nội dung giao tiếp, qua đó làm rõ đặc điểm nổi bật của mối quan hệ, chất lượng và ý nghĩa của mối quan hệ giữa thanh niên và ông bà họ.

Chương 4 tìm hiểu cách nhìn nhận và kỳ vọng của cả hai thế hệ - thanh niên và người già - về bổn phận hiếu thảo.

Chương 5 phân tích tác động của mối quan hệ thanh niên - ông bà và quan niệm của thanh niên về hiếu thảo tới thái độ với người già.

PHẠM NGUYỄN

HÀ HUY NGỌC (2020), **Kiến tạo chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long** (Sách chuyên khảo), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 376 tr.

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất và xuất khẩu lương thực, thủy hải sản, trái cây nhiệt đới lớn nhất của Việt Nam. Hiện nay, vùng này đang phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn từ bên trong lẫn bên ngoài, trong đó biến đổi khí hậu và nước biển dâng đã tác động đến tất cả các ngành, lĩnh vực, thành phần kinh tế, đặc biệt là sinh kế của cộng đồng dân cư nông thôn. Vì vậy, chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu có vai trò to lớn trong việc hạn chế những rủi ro, thảm họa do biến đổi khí hậu gây ra cho vùng. Cuốn sách tập trung vào những vấn đề cơ bản liên quan đến chính sách này.

Nội dung sách gồm 6 chương: Chương 1 trình bày lý thuyết về chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu. Chương 2 phân tích chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu của một số quốc gia trên thế giới như Bangladesh, Thái Lan, Hà Lan, Trung Quốc, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm cho vùng. Chương 3 làm rõ sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến vùng sinh thái - xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chương 4 phân tích chính sách sách ứng phó biến đổi khí hậu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, từ đó chỉ ra những bất cập, hạn chế của chính sách này. Chương 5 đề cập đến những kết quả bước đầu trong kiến tạo phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, chỉ ra những bất cập, hạn chế và một số mô hình thành công về phát triển bền vững. Chương 6 xây dựng hệ thống giải pháp nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng, bao gồm các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

TA.